

Hà Nội, ngày 17 tháng 3 năm 2023

**BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN
CÔNG TY CỔ PHẦN SUẤT ĂN HÀNG KHÔNG NỘI BÀI
Năm báo cáo: 2022**

I. Thông tin chung

1. Thông tin khái quát

- Tên giao dịch: Công ty cổ phần Suất ăn hàng không Nội Bài/Noibai Catering Services Joint Stock Company (tên viết tắt: NCS).
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0101509403.
- Vốn điều lệ: 179.490.980.000 VND.
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: 179.490.980.000 VND.
- Địa chỉ: Sân bay quốc tế Nội Bài, xã Phú Minh, huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội.
- Số điện thoại: 0243 884 0289.
- Số fax: 0243 884 0199.
- Website: noibaicatering.com.vn
- Mã cổ phiếu: NCS

Quá trình hình thành và phát triển

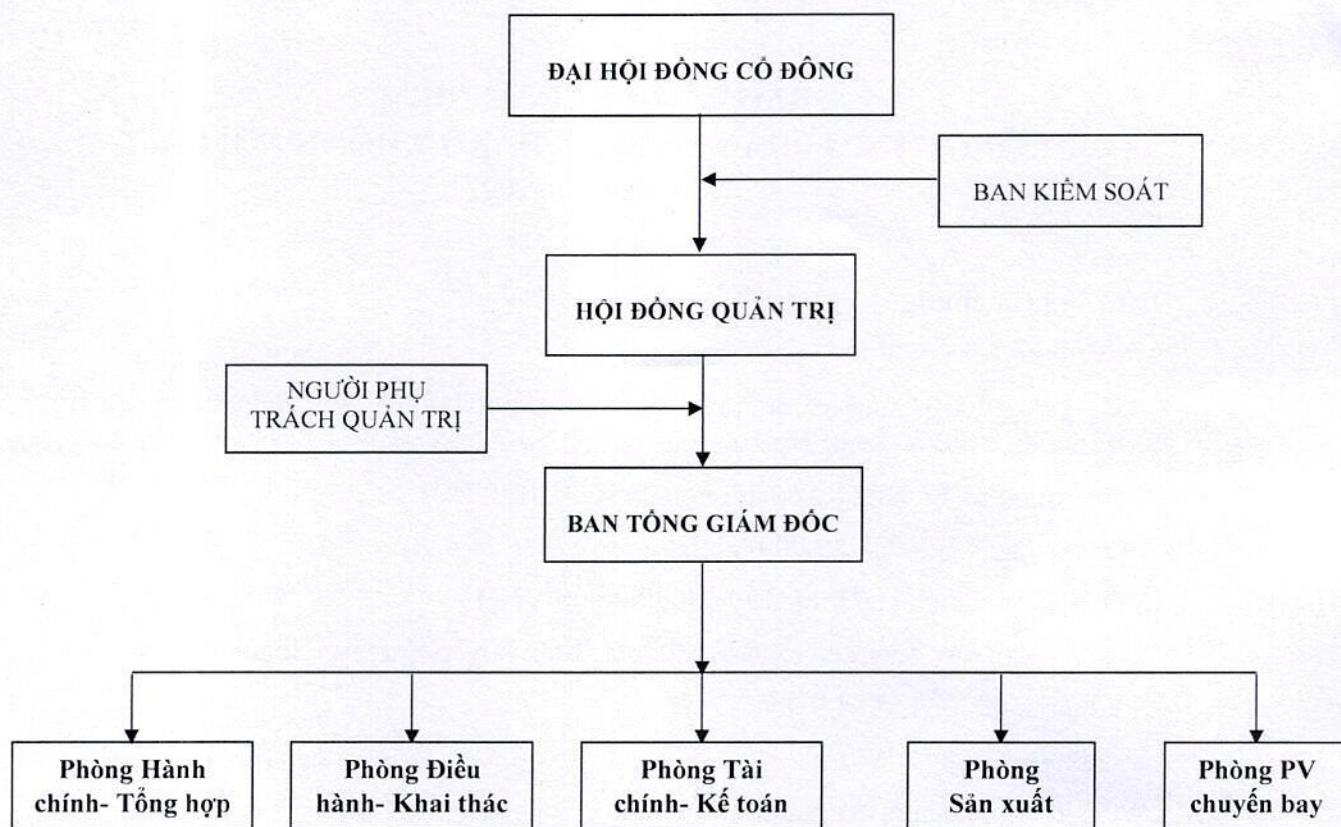
- Quá trình hình thành và phát triển: Công ty cổ phần Suất ăn hàng không Nội Bài là doanh nghiệp được cổ phần hoá từ Xí nghiệp sản xuất chế biến suất ăn Nội Bài theo Quyết định số 983/QĐ-BGTVT ngày 15/4/2004 của Bộ Giao thông vận tải.
- Công ty thực hiện đăng ký chứng khoán tại Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam năm 2010, bổ sung năm 2015 và được cấp Giấy chứng nhận đăng ký chứng khoán số 134/2010/GCNCP-VSD và số 134/2010/GCNCP-VSD-1 với tên chứng khoán: Cổ phiếu Công ty cổ phần Suất ăn hàng không Nội Bài; mã chứng khoán: NCS. Công ty được cấp đổi lần thứ ba Giấy chứng nhận đăng ký chứng khoán ngày 27/11/2017.

2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh

- Ngành nghề kinh doanh chính: Chế biến suất ăn phục vụ hành khách của các hãng hàng không, các chuyến bay chuyên cơ.
- Địa bàn kinh doanh: Cảng hàng không quốc tế Nội Bài (Hà Nội) và Cảng hàng không quốc tế Cát Bi (Hải Phòng).

3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

- Mô hình quản trị, Cơ cấu bộ máy quản lý



- Các công ty con, công ty liên kết: Không có

4. Định hướng phát triển

- Chiến lược phát triển trung và dài hạn: trở thành Công ty đứng đầu khu vực về chất lượng sản phẩm và dịch vụ.
- Các mục tiêu đối với môi trường, xã hội và cộng đồng: đảm bảo vệ sinh môi trường nơi làm việc; tổ chức, tham gia các hoạt động xã hội từ thiện; thực hiện nếp sống văn minh, văn hóa doanh nghiệp, thực hiện tiết kiệm phòng chống lãng phí.

5. Các rủi ro:

- Suy giảm và bất ổn của tình hình kinh tế thế giới ảnh hưởng không nhỏ tới kinh tế Việt Nam nói chung và ngành hàng không nói riêng.
- Nguy cơ dịch bệnh bùng phát trở lại trong thời điểm mùa hè khiến các hãng còn thận trọng trong việc tăng tần suất bay.

II. Tình hình hoạt động trong năm

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh:

- **Sản lượng suất ăn quy đổi:** thực hiện đạt 8.289.807 suất ăn, bằng 328% so với năm 2021 và bằng 105% so với kế hoạch.

- **Doanh thu:** 413,91 tỷ đồng, bằng 285% so với năm 2021 và bằng 118% so với kế hoạch; Tốc độ tăng doanh thu nhanh hơn tốc độ tăng sản lượng chủ yếu là do sự tăng trưởng của các hãng hàng không khác. Doanh thu các hãng khác 89,5 tỷ bằng 165% kế hoạch.

- **Tổng chi phí:** 408,6 tỷ đồng, bằng 184% so với năm 2021 và bằng 117% so với kế hoạch.

- **Tổng lợi nhuận sau thuế:** 5,3 tỷ đồng tăng 82,1 tỷ đồng so với TH 2021 và bằng 3.262% so với kế hoạch năm với mức tăng giá trị tuyệt đối là: 5,1 tỷ đồng;

2. Tổ chức và nhân sự

- Danh sách Ban điều hành

STT	Họ và tên	Chức danh/ Ngày bổ nhiệm (miễn nhiệm)	Trình độ	Số CP có quyền biểu quyết
1.	Ông Nguyễn Văn Dũng	Tổng Giám đốc Từ 01/7/2021	Thạc sỹ Quản trị kinh doanh, Cử nhân kinh tế đối ngoại, Cử nhân chính trị	3.600.202
2.	Ông Võ Đức Hiếu	Phó Tổng Giám đốc Đến 31/10/2022	Cử nhân kinh tế	0
3.	Ông Chu Khánh Linh	Kế toán trưởng kiêm Trưởng phòng Tài chính Kế toán Từ 01/4/2022	Thạc sỹ kinh tế	0

- Những thay đổi trong Ban điều hành:

- + Ông Võ Đức Hiếu thôi kiêm nhiệm chức vụ Kế toán trưởng kiêm Trưởng phòng Tài chính Kế toán kể từ ngày 01/4/2022;
- + Ông Chu Khánh Linh được bổ nhiệm giữ chức Kế toán trưởng kiêm Trưởng phòng Tài chính Kế toán kể từ ngày 01/4/2022;
- + Ông Võ Đức Hiếu thôi giữ chức Phó Tổng Giám đốc kể từ ngày 31/10/2022;

- Số lượng cán bộ, nhân viên: 702 người. Công ty đã thực hiện chủ trương tăng cường kiểm soát chi phí, nâng cao chất lượng sản phẩm, và đảm bảo đầy đủ các chế độ chính sách đối với người lao động theo đúng các quy định hiện hành của Nhà nước và của Công ty. Bên cạnh đó, Công ty còn tạo điều kiện cho người lao động tham gia các hoạt động của các tổ chức xã hội khác, đảm bảo tốt đời sống vật chất và tinh thần cho người lao động phù hợp với thực tế hoạt động SXKD và kiểm soát dịch bệnh.

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án

a) Các khoản đầu tư lớn: Công ty đã thực hiện và hoàn thành đầu tư 01/07 danh mục đầu tư trang thiết bị năm 2022.

b) Các công ty con, công ty liên kết: Không có.

4. Tình hình tài chính

a) Tình hình tài chính

Đơn vị tính: đồng

Chỉ tiêu	Năm 2022	Năm 2021	% tăng giảm
Tổng giá trị tài sản	513.613.807.377	508.470.554.748	1%
Doanh thu thuần	409.764.623.977	139.622.998.974	193%
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	5.007.823.335	(77.007.179.955)	107%
Lợi nhuận khác	296.071.974	183.849.601	61%
Lợi nhuận trước thuế	5.303.895.309	(76.823.330.354)	107%
Lợi nhuận sau thuế	5.303.895.309	(76.823.330.354)	107%
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	296	(4.280)	107%

b) Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu:

Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2022	Năm 2021
<i>1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán</i>			
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn: TSNH/Nợ ngắn hạn	Lần	0,63	0,61
+ Hệ số thanh toán nhanh: (TSNH - HTK)/Nợ ngắn hạn	Lần	0,58	0,56
<i>2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn</i>			
+ Hệ số Nợ/Tổng tài sản	Lần	0,84	0,85
+ Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	Lần	5,30	5,67
<i>3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động</i>			
+ Vòng quay hàng tồn kho: Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân	Lần	33	22
+ Doanh thu thuần/Tổng tài sản	%	0,80	0,27
<i>4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời</i>			
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	%	0,01	-0,55
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	%	0,07	-1,01
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	%	0,01	-0,15
+ Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	%	0,01	-0,55

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

a) Cổ phần:

- Số lượng cổ phiếu: 17.949.098 trong đó:
- Cổ phiếu đang lưu hành: 17.948.210 (cổ phiếu).

- Cổ phiếu quỹ: 888 (cổ phiếu).

b) Cơ cấu cổ đông:

TT	Tiêu chí phân chia	Tên cổ đông	Số cổ phần sở hữu	Tỷ lệ (%)
1	Cổ đông lớn	Tổng Công ty Hàng không Việt Nam - CTCP	10.800.607	60,17
		Công ty TNHH MTV Dịch vụ hàng không sân bay Tân Sơn Nhất	1.800.295	10,03
2	Cổ đông nhỏ	Công ty TNHH MTV Suất ăn hàng không Việt Nam	306.015	1,70
		Các cổ đông khác	5.041.488	28,09
		Cổ phiếu quỹ	888	0,01
3	Hình thức tổ chức	Cổ đông là tổ chức (số lượng 12)	13.140.478	73,21
		Cổ đông là cá nhân (số lượng 624)	4.807.732	26,78
4	Quốc tịch	Cổ đông trong nước (số lượng 570)	17.642.080	98,29
		Cổ đông nước ngoài (số lượng 23)	306.130	1,70

c) Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu: Không.

d) Giao dịch cổ phiếu quỹ: Không có.

e) Các chứng khoán khác: Không có.

6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của Công ty

6.1. Quản lý nguồn nguyên vật liệu:

Báo cáo tỉ lệ phần trăm nguyên vật liệu được tái chế được sử dụng để sản xuất sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức: Không.

6.2. Tiêu thụ năng lượng:

a) Năng lượng tiêu thụ trực tiếp và gián tiếp: Điện và máy phát điện; Gaz và Xăng dầu.

b) Năng lượng tiết kiệm được thông qua các sáng kiến sử dụng năng lượng hiệu quả: Không có.

c) Các báo cáo sáng kiến tiết kiệm năng lượng; báo cáo kết quả của các sáng kiến này: Không có.

6.3. Tiêu thụ nước:

a) Nguồn cung cấp nước và lượng nước sử dụng: Nguồn cung cấp nước Tổng công ty Cảng Hàng không quốc tế Nội Bài khoảng 100.000 m³/năm.

b) Tỷ lệ phần trăm và tổng lượng nước tái chế và tái sử dụng: Không.

6.4. Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường:

a) Số lần bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: Không.

b) Tổng số tiền do bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: Không.

6.5. Chính sách liên quan đến người lao động:

- Công ty luôn thực hiện các biện pháp nhằm đảm bảo việc làm và thu nhập ổn định cho người lao động, các chế độ hiện hành theo qui định của Nhà nước được thực hiện đầy đủ, chi trả tiền lương, tiền thưởng đúng hạn. Các chế độ liên quan đến người lao động như: bảo hộ lao động, bảo hiểm y tế, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thân thể, đặc biệt là bảo hiểm sức khỏe và tai nạn cho người lao động được Công ty quan tâm thực hiện. Môi trường và các điều kiện làm việc được cải thiện và đảm bảo an toàn.

- Thực hiện trích nộp BHXH, BHYT, BHTN, các chế độ trợ cấp cho người lao động đảm bảo đúng quy định về pháp luật lao động của Nhà nước và quy chế của Công ty.

- Thường xuyên phối hợp với các tổ chức đoàn thể tổ chức các hoạt động nhằm cải thiện và nâng cao chất lượng đời sống tinh thần cho người lao động phù hợp với thực tế hoạt động SXKD và phòng chống dịch bệnh.

6.6. Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương:

Các hoạt động đầu tư cộng đồng và hoạt động phát triển cộng đồng khác, bao gồm hỗ trợ tài chính nhằm phục vụ cộng đồng.

III. Báo cáo và đánh giá của Ban Giám đốc

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

a) Thuận lợi:

- Thị trường non-airlines:

- + Dịch Covid-19 cơ bản đã được kiểm soát nên thị trường hàng không nội địa đang tiếp tục có sự hồi phục mạnh mẽ. Cùng với chính sách mở cửa du lịch từ đầu năm 2022, sản lượng khách bắt đầu tăng mạnh từ tháng 5/2022 cho tới thời điểm hiện tại và vẫn đang duy trì ở mức cao;
- + Thị trường hàng không quốc tế cũng đang có dấu hiệu hồi phục trở lại khi các hãng bắt đầu khai thác (mặc dù với tần suất bay còn hạn chế). Từ tháng 7/2022, EK khôi phục tần suất bay như trước dịch, KE cũng bắt đầu lấy lại dịch vụ suất ăn từ HAN. Ngoài ra, từ tháng 11/2022, NCS đã đàm phán thành công với QV về việc cấp suất ăn từ HAN. Các yếu tố trên góp phần tăng trưởng sản lượng và doanh thu cho NCS;

- Thị trường Non-air:

Sau thời gian 2 năm chuyển hướng kinh doanh mảng Non-air, cho đến thời điểm hiện tại, Công ty đã tạo được thương hiệu đối với một số sản phẩm như Giò tết, Bánh trung thu, Trà sữa... Đặc biệt, việc đưa sản phẩm trà sữa lên các chuyến bay từ tháng 7/2022 đã tạo hiệu ứng lan tỏa thương hiệu Lotus Sky, nhanh chóng giúp sản lượng tăng mạnh. Đối với sản phẩm bánh Trung thu 2022, việc đổi mới sản phẩm và mẫu mã được khách hàng ủng hộ mạnh mẽ,

góp phần tăng trưởng lợi nhuận cao so với năm 2021. Những thành quả có được sẽ tiếp tục tạo tiền đề để NCS tạo dựng vị thế riêng cho thương hiệu Lotus Sky trong tương lai;

b) Khó khăn:

- Thị trường vận tải hàng không:

Trong khi thị trường hàng không nội địa đang hồi phục mạnh mẽ thì tốc độ hồi phục của thị trường hàng không quốc tế vẫn còn chậm. Do yêu cầu về kiểm soát dịch bệnh, một số đường bay TPE, HKG vẫn không phục vụ suất ăn từ HAN. Đối với chặng bay đi Hàn, nguy cơ dịch bệnh bùng phát trở lại trong thời điểm mùa hè khiến các hãng còn thận trọng trong việc tăng tần suất bay;

- Thị trường non-air:

Mặc dù sản phẩm của Công ty được người tiêu dùng đánh giá cao, nhưng do nguyên vật liệu đầu vào phải được kiểm soát theo quy trình chặt chẽ, đảm bảo ATVSTP nên giá thành sản phẩm tương đối cao, không đủ cạnh tranh để đưa vào kênh phân phối ở siêu thị. Ngoài ra, khoảng cách từ NCS đến các địa điểm trong nội thành khá xa, chi phí vận chuyển cao nên gặp nhiều khó khăn trong việc giao hàng và phát triển thêm các đại lý;

c) Giải pháp:

- Tăng doanh thu và đẩy mạnh doanh thu phụ trợ:

- Thay đổi mẫu mã và sản phẩm mới cho mùa Trung thu. Kết quả doanh thu đạt được là 13,4 tỷ trên tổng số 14 khách hàng, tăng 3 khách hàng so với 2021, trong đó doanh thu bán cho VNA: 4,7 tỷ đồng;
- Tiếp tục duy trì mảng bán cơm văn phòng cho Bệnh viện Việt Pháp, cung cấp bánh cho các đại lý, Vinschool doanh thu đạt 14,9 tỉ đồng;
- Mảng bán trà sữa trên máy bay, cấp cho VACS, MASCO và các đại lý đạt doanh thu tăng mạnh, TH đạt 21,9 tỷ đồng (tăng 12 tỷ đồng so với kế hoạch), trong đó bán trên máy bay 13,9 tỷ đồng;

- Giảm chi phí và tiết kiệm chi phí;

- Đối với các khoản mục chi phí biến đổi theo sản lượng (như chi phí nguyên- nhiên vật liệu, chi phí tiền lương, bảo trì, điện, nước, BHLĐ...), Công ty chủ động tìm kiếm các nguồn hàng thay thế có giá cả cạnh tranh nhưng vẫn đảm bảo tiêu chuẩn chất lượng, đàm phán hạn chế việc tăng giá, sử dụng các kho lạnh hợp lý; tắt, điều chỉnh các thiết bị điện, hệ thống điều hòa ở các vị trí không cần thiết; mua sắm BHLĐ theo định mức để tiết giảm chi phí;
- Tiết kiệm chi phí: Trong năm 2022, NCS đã thực hiện hàng loạt các giải pháp tiết kiệm chi phí như sau:
 - ✓ Khai thác nguyên liệu trực tiếp từ nhà sản xuất, cụ thể: khai thác trứng gà từ NCC Dabaco, khai thác thịt lợn từ lò mổ Vinh Anh, khai thác kem trang trí bánh từ NCC Farina, khai thác thịt gà từ NCC Greenchicken...;

- ✓ Thay đổi NVL từ hàng tươi sang hàng đông lạnh, thịt nguội (làm bánh)... để chủ động khai thác hàng hóa và sử dụng với chất lượng tương đương và giá mua cạnh tranh;
- ✓ Khai thác đồ cấp thêm cho VNA từ các nhà sản xuất trực tiếp như Cholimex, hãng Nesle..., từ đó có cơ sở đàm phán giá mua với NCC Kim Quý (nhà cung cấp hiện tại) để giảm giá và hỗ trợ 100% tiền vận chuyển từ HCM-NB;
- ✓ Đàm phán với các NCC vật liệu phụ, hóa chất rửa dụng cụ, đá khô..., giảm giá từ 5-10%;
- ✓ Thực hiện tự sản xuất mặt hàng pate với chất lượng vượt trội và giá thành rẻ hơn 30% so với khai thác từ NCC;

Kết quả thực năm 2022: tiết kiệm chi phí 7,3 tỷ đồng, trong đó tiết kiệm nguyên vật liệu do đàm phán giảm giá: 3,2 tỷ đồng, tiết kiệm do kết hợp với sản xuất thay đổi nguyên vật liệu: 4,1 tỷ đồng;

- Đối với chi phí lãi vay: công ty bắt đầu trả nợ các khoản lãi vay được cơ cấu và lãi vay phát sinh trong năm. Từ cuối quý 3/2022, lãi suất huy động từ NHNN tăng mạnh (tăng 2%/năm so với trước). Công ty điều tiết dòng tiền thu chi, đốc thúc các khoản công nợ phải thu khách hàng đồng thời đàm phán giãn hoãn với nhà cung cấp để giảm áp lực dòng tiền. Tuy nhiên, việc Ngân hàng Nhà nước tăng lãi suất huy động ở các kỳ hạn làm cho lãi suất vay cũng tăng cao và việc đàm phán với các ngân hàng rất khó khăn;

- Giảm thiểu các tác động của dịch bệnh đến hoạt động sản xuất kinh doanh;

- Triển khai nghiêm ngặt các biện pháp chống dịch theo hướng dẫn của các cơ quan ban ngành;
- Tiếp tục tuyên truyền rộng rãi cho người lao động nâng cao ý thức phòng dịch và tiêm phòng dịch;
- Triển khai thường xuyên cho NLĐ đủ điều kiện tiêm vacxin mũi 3, 4;

- Cơ cấu lại bộ máy, cơ cấu lao động, xây dựng định mức lao động hướng tới quản lý theo định mức và trả lương sản phẩm, mở rộng ngành nghề và ứng dụng khoa học công nghệ vào hệ thống quản lý điều hành để nâng cao hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp;

2. Tình hình tài chính

a) Tình hình tài sản

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	TM	Tại ngày 31/12/2022	Tại ngày 31/12/2021
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		151.493.257.321	118.030.033.980
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4.1	39.771.673.649	6.700.695.150
1. Tiền	111		39.771.673.649	6.700.695.150
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		30.000.000.000	60.000.000.000
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	4.2	30.000.000.000	60.000.000.000

TÀI SẢN	Mã số	TM	Tại ngày 31/12/2022	Tại ngày 31/12/2021
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		67.219.580.289	40.110.737.082
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	4.3	68.569.574.522	19.502.717.521
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		148.907.715	82.350.615
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	4.4	516.583.005	21.729.353.899
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	4.5	(2.015.484.953)	(1.203.684.953)
IV. Hàng tồn kho	140	4.6	12.656.622.752	8.915.638.249
1. Hàng tồn kho	141		12.656.622.752	9.398.968.442
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho			-	(483.330.193)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		1.845.380.631	2.302.963.499
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	4.7	-	-
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152	4.11	-	457.582.868
3. Thuế và các khoản khác phải thu NN	153	4.11	1.845.380.631	1.845.380.631
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		362.120.550.056	390.440.520.768
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		1.804.930.800	1.916.900.000
1. Phải thu dài hạn khác	216		1.804.930.800	1.916.900.000
II. Tài sản cố định	220		357.321.816.669	388.006.913.662
1. Tài sản cố định hữu hình	221	4.8	357.321.816.669	387.555.838.269
Nguyên giá	222		566.532.297.096	567.992.691.990
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(209.210.480.427)	(180.436.853.721)
2. Tài sản cố định vô hình	227	4.9	-	451.075.393
Nguyên giá	228		4.748.831.818	4.998.381.818
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(4.748.831.818)	(4.547.306.425)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		-	-
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		-	-
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		2.993.802.587	516.707.106
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	4.7	2.993.802.587	516.707.106
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		513.613.807.377	508.470.554.748

b) Tình hình nợ phải trả

- Tình hình nợ hiện tại, biến động lớn về các khoản nợ.

- Tổng số nợ phải trả tại thời điểm 31/12/2022 là 432 tỷ đồng, trong đó nợ ngắn hạn 241,3 tỷ đồng; nợ dài hạn 190,7 tỷ đồng;
- Khả năng thanh toán nợ ngắn hạn là 0,63 lần. Công ty sẽ có những giải pháp tối ưu nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn;

- Hệ số nợ phải trả trên vốn chủ sở hữu là 5,3 lần. Do cơ sở mới được đầu tư với tỷ lệ vốn vay là 69% nên tại thời điểm 31/12/2022, tài sản của doanh nghiệp được tài trợ chủ yếu bằng các khoản nợ;

- Phân tích nợ phải trả xấu, ảnh hưởng chênh lệch của tỉ lệ giá hối đoái đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty, ảnh hưởng chênh lệch lãi vay: tình hình thanh toán của Công ty bình thường. Khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái không đáng kể và không làm ảnh hưởng đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

Chi tiết về tình hình nợ phải trả của công ty được thể hiện tại bảng dưới đây:

NGUỒN VỐN	Mã số	TM	Tại ngày 31/12/2021	Tại ngày 31/12/2021
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		432.072.378.864	432.233.021.544
I. Nợ ngắn hạn	310		241.360.346.061	193.620.988.741
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	12	51.559.180.578	14.634.368.452
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		-	107.138.403
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	9	1.591.184.116	865.191.439
4. Phải trả người lao động	314		15.524.591.576	10.904.328.644
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	13	11.273.068.638	16.007.894.009
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	14	26.971.217.355	27.068.580.375
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	15	133.021.258.610	121.468.996.364
8. Quỹ khen thưởng phúc lợi	322		1.419.845.188	2.564.491.055
II. Nợ dài hạn	330		190.712.032.803	238.612.032.803
1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	15	190.712.032.803	238.612.032.803
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		81.541.428.513	76.237.533.204
I. Vốn chủ sở hữu	410	16	81.541.428.513	76.237.533.204
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		179.490.980.000	179.490.980.000
- Cổ phiếu PT có quyền biểu quyết	411a		179.490.980.000	179.490.980.000
2. Cổ phiếu quỹ	415		(8.880.000)	(8.880.000)
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(97.940.671.487)	(103.244.566.796)
- LNSTCPP lũy kế đến cuối năm trước	421a		(103.244.566.796)	(26.421.236.442)
- (Lỗ)/LNSTCPP năm nay	421b		5.303.895.309	(76.823.330.354)
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		513.613.807.377	508.470.554.748

3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý

Áp dụng điều hành linh hoạt, bám sát diễn biến tình hình thị trường; sắp xếp bố trí nhân lực hợp lý, tiết kiệm nguồn lực; kiểm soát chi phí sản xuất chặt chẽ thông qua định mức; chủ động thiết kế sản phẩm mới phù hợp với từng khách hàng, tập trung

chào hàng, cải tiến, nâng cao chất lượng sản phẩm và dịch vụ; thường xuyên bám sát, theo dõi sát sao biến động giá cả của thị trường để kiểm soát chi phí đầu vào, đàm phán với nhà cung cấp nguyên vật liệu chính để kiểm soát tốt CPI chung.

4. Kế hoạch phát triển trong tương lai

- Giữ và tăng thị phần thông qua chính sách chất lượng và giá cả phù hợp.
- Tập trung nâng cao chất lượng sản phẩm và dịch vụ nhằm phục vụ các khách hàng có yêu cầu cao.
- Tăng cường phát triển sản phẩm nonairline để tăng doanh thu và tận dụng năng lực sản xuất của Công ty.

5. Giải trình của Ban Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán: Không có.

6. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của Công ty

a) Đánh giá liên quan đến các chỉ tiêu môi trường (tiêu thụ nước, năng lượng, phát thải...): tuân thủ nghiêm ngặt đối với các quy định về môi trường.

b) Đánh giá liên quan đến vấn đề người lao động:

Mặc dù tình hình SXKD bị ảnh hưởng nặng nề bởi dịch Covid-19 nhưng Công ty đã cố gắng sắp xếp lao động hợp lý, đảm bảo duy trì tối đa việc làm cho người lao động, với mức thu nhập đảm bảo cuộc sống, đồng thời thực hiện đầy đủ các chế độ hiện hành theo qui định của Nhà nước và của Công ty, môi trường và các điều kiện làm việc được cải thiện và đảm bảo an toàn.

c) Đánh giá liên quan đến trách nhiệm của doanh nghiệp đối với cộng đồng địa phương: thực hiện tốt trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương.

IV. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty

1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty

- Thời điểm xây dựng KH2022 trình ĐHĐCĐ thường niên thông qua vào tháng 6/2022, Việt Nam đã dỡ bỏ các hạn chế đối với hoạt động vận chuyển hành khách trên các chuyến bay quốc tế với các quốc gia và vùng lãnh thổ, bên cạnh đó các quy định về điều kiện nhập cảnh từng bước được nới lỏng. Các hãng Hàng không đều có kế hoạch khôi phục mạng bay quốc tế, trên cơ sở chấp thuận của nhà chức trách tại các điểm đến và theo nhu cầu thị trường. Tuy nhiên, dịch bệnh vẫn còn diễn biến khó lường với các biến chủng mới và đặc biệt là tình hình chính trị thế giới đang có nhiều diễn biến phức tạp, làm ảnh hưởng tới nền kinh tế toàn cầu và hoạt động khai thác vận tải hàng không. Vì vậy, căn cứ diễn biến thị trường và đặc thù hoạt động kinh doanh của đơn vị, nhóm Người đại diện đã chỉ đạo doanh nghiệp xây dựng kế hoạch SXKD năm 2022 với mức lợi nhuận dự kiến là 163 triệu đồng;

- Với nỗ lực tìm kiếm các giải pháp điều hành hiệu quả trong các tháng còn lại của năm 2022, mặc dù vẫn phải đối mặt với nhiều thách thức do ảnh hưởng của dịch Covid - 19, rủi ro giá dầu, tỷ giá, lãi suất biến động, giá cả thị trường... nhưng nhóm Người đại diện luôn tích cực:

- + Theo sát diễn biến thị trường để chủ động triển khai linh hoạt các giải pháp điều hành, khai thác mọi nguồn thu, quản trị chi phí, sử dụng nguồn lực phù hợp với tình hình thực tế nhằm thực hiện tốt Kế hoạch SXKD năm 2022 đã được ĐHĐCĐ thông qua;

- + Chủ động cân đối dòng tiền để đảm bảo cho hoạt động SXKD; Tăng cường kiểm soát, thu hồi nợ; Chủ động rà soát hợp đồng và xác định khoản trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi theo quy định để dự tính kết quả SXKD;
 - + Thường xuyên cập nhật kết quả thực hiện kế hoạch SXKD hàng tháng để đánh giá, phân tích kết quả đạt được, đồng thời làm rõ các tồn tại, hạn chế, các nguyên nhân khách quan và chủ quan, các biện pháp khắc phục để rút kinh nghiệm và làm cơ sở thực hiện tốt nhất kế hoạch SXKD 2022;
- Thông qua hàng loạt các giải pháp kịp thời, cụ thể như nêu trên, thành quả đạt được trong năm 2022 với lợi nhuận thực hiện đạt 5,3 tỷ đồng;

2. *Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc công ty*

- Ban Giám đốc đã điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty linh hoạt, duy trì SXKD, chủ động tiết kiệm chi phí và tăng tối đa doanh thu, đảm bảo dòng tiền thanh toán, giảm thiểu tối đa thiệt hại do ảnh hưởng của dịch Covid-19;
- Ban lãnh đạo đã hoàn thành vai trò điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty phù hợp với định hướng, chỉ đạo của Hội đồng quản trị, cụ thể:
 - + Hoàn thành vượt mức kế hoạch SXKD năm 2022 với kết quả tăng hơn 32 lần so với kế hoạch đã được ĐHĐCĐ phê duyệt;
 - + Hoàn thiện việc xây dựng kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2023;
 - + Chỉ đạo thực hiện nghiêm túc các Nghị quyết, Quyết định của HĐQT;
 - + Triển khai hiệu quả các giải pháp trọng tâm đã được HĐQT phê duyệt,

3. *Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị*

Trước nhận định năm 2023 và giai đoạn tới vẫn còn nhiều khó khăn do diễn biến hậu COVID 19 hết sức phức tạp, giá xăng dầu thay đổi và chiến tranh Nga-Ukraina khiến tỷ giá, lãi suất biến động, giá cả hàng hóa tăng cao... không thể lường trước được, xu hướng cắt giảm chi phí của các khách hàng là hiện hữu, với định hướng tập trung duy trì hoạt động sản xuất kinh doanh để vượt qua giai đoạn khó khăn, Hội đồng quản trị thống nhất tập trung thực hiện các giải pháp sau:

- + Căn cứ kế hoạch sản xuất kinh doanh định hướng đã được các cổ đông lớn thông qua để xây dựng các kịch bản điều hành, đưa ra các giải pháp tăng doanh thu, tiết giảm chi phí, chỉ đạo kịp thời nhằm không ngừng nâng cao và cải tiến chất lượng sản phẩm và dịch vụ, giữ khách hàng hiện có và tìm kiếm thêm khách hàng mới, Phát triển mạnh mẽ sản phẩm non-air, phấn đấu hoàn thành vượt mức kế hoạch, giảm lỗ tiến tới cân đối thu chi;
- + Thực hiện các giải pháp cân đối dòng tiền, đảm bảo khả năng thanh toán;
- + Tăng cường và nâng cao hệ thống quản trị, các chỉ số quản trị cho từng mảng công việc cụ thể;
- + Duy trì tối đa lao động có chuyên môn, tay nghề cao, đặc biệt là đội ngũ đầu bếp, chủ động đáp ứng yêu cầu sản xuất khi thị trường hồi phục.

V. **Quản trị công ty**

1. *Hội đồng quản trị*

a) Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị

STT	Họ và tên	Chức vụ	Tỷ lệ sở hữu CP có quyền biểu quyết	Ghi chú
1	Ngô Hồng Minh	Chủ tịch	26,74 %	Thành viên không điều hành (bỏ nhiệm ngày 27/6/2020)
2	Nguyễn Văn Dũng	Thành viên	20,06%	Thành viên điều hành (bỏ nhiệm ngày 29/6/2021)
3	Nguyễn Đức Hạnh	Thành viên	13,37 %	Thành viên điều hành (bỏ nhiệm ngày 29/6/2021)
4	Nguyễn Văn Hùng Cường	Thành viên	10,03%	Thành viên không điều hành

b) Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị: Không có.

c) Hoạt động của Hội đồng quản trị:

- Với vai trò là cơ quan quản lý Công ty, Hội đồng quản trị đã thể hiện quyết tâm cao trong việc chỉ đạo Tổng Giám đốc Công ty điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh linh hoạt, tuân thủ chặt chẽ quy định của Nhà nước và Công ty, bảo đảm hài hoà lợi ích của Công ty, các cổ đông và người lao động; duy trì sự đoàn kết nhất trí trong Hội đồng quản trị cũng như với Ban giám đốc Công ty;

- Hội đồng quản trị Công ty đã duy trì hoạt động theo đúng quy định của pháp luật, Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị với số lượng thành viên là 04 người, Hội đồng quản trị đã họp 08 phiên (không bao gồm 07 phiên họp dưới hình thức xin ý kiến thành viên bằng văn bản), trong đó tập trung giải quyết các vấn đề trọng tâm liên quan đến việc thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2022, xây dựng kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2023 và việc thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên 2022; thực hiện công tác tái cơ cấu, công tác nhân sự, tiền lương và thi đua khen thưởng; chỉ đạo sát sao công tác đầu tư, phát triển nguồn nhân lực, phát triển thị trường; giám sát chặt chẽ hoạt động của Ban điều hành trong việc thực thi Nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị; ban hành các quy chế quản trị, quy định nội bộ, Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị dựa trên sự nhất trí, đồng thuận của các thành viên Hội đồng quản trị, trên cơ sở lợi ích của các cổ đông và vì sự phát triển bền vững của Công ty.

d) Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập: Không có.

e) Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty: Không có.

2. Ban Kiểm soát

a) Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát:

STT	Họ và tên	Chức vụ	Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết
1	Đỗ Thị Minh Lý	Trưởng ban	0%
2	Nguyễn Thị Quỳnh Hoa	Thành viên	0%
3	Vũ Mạnh Phú	Thành viên	0%
4	Phan Thị Thúy Quyên	Thành viên	0%

b) Hoạt động của Ban kiểm soát:

- Năm 2022, Ban kiểm soát Công ty đã tiến hành họp 05 phiên và tổ chức kiểm tra, kiểm soát tại doanh nghiệp 02 lần, nội dung các công việc gồm:

- + Giám sát HĐQT, Ban Điều hành trong việc quản lý và điều hành Công ty;
- + Kiểm tra tính hợp lý, trung thực và mức độ cẩn trọng trong quản lý, điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh, trong tổ chức công tác kế toán và lập Báo cáo tài chính;
- + Thực hiện thẩm định Báo cáo hoạt động sản xuất kinh doanh, Báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2021, Báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị;
- + Trình ĐHĐCĐ thường niên năm 2022 Báo cáo thẩm định báo cáo tài chính;
- + Xem xét việc chỉ định thầu (theo hình thức rút gọn) Công ty kiểm toán cho Báo cáo tài chính năm 2022;
- + Giám sát, đánh giá tình hình thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh, kế hoạch tài chính, đầu tư, lao động tiền lương năm 2022; Giám sát việc chấp hành các quy định pháp luật, nghĩa vụ với ngân sách nhà nước và các quy chế, quy định nội bộ;
- + Xem xét các tài liệu họp Hội đồng quản trị, báo cáo nội bộ của Ban Điều hành theo quy định tại Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty.

- Hoạt động của Ban Kiểm soát năm 2022 đã giúp cho Công ty thực hiện đúng quy định của pháp luật trong mọi lĩnh vực kinh doanh.

3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát

a) Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích:

- Thù lao Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát năm 2022 được trả theo mức được Đại hội đồng cổ đông thông qua, cụ thể mức thù lao đối với Chủ tịch Hội đồng quản trị là 3.800.000 đồng/tháng; Thành viên HĐQT là 3.200.000 đồng/tháng và Thành viên Ban kiểm soát là 2.700.000 đồng/tháng.

- Lương của Trưởng Ban kiểm soát là 21.000.000 đồng/tháng.

b) Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ: Không có.

c) Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ: Không có.

d) Việc thực hiện các quy định về quản trị công ty: Mô hình quản trị và cơ cấu bộ máy hiện tại đang đáp ứng được nhu cầu quản trị, điều hành của Ban Giám đốc và đảm bảo hiệu quả của Hội đồng quản trị đối với bộ máy điều hành.

VI. Báo cáo tài chính

1. *Ý kiến kiểm toán:* “Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Suất ăn Hàng không Nội Bài tại ngày 31/12/2022, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan tới việc lập và trình bày Báo cáo tài chính”.

2. *Báo cáo tài chính được kiểm toán:* Đính kèm báo cáo này.

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
TỔNG GIÁM ĐỐC**



Nguyễn Văn Dũng

C.P. 1/